Mẫu số 22

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND (Dự thảo)	*Thành phố Hồng Ngự, ngày tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự về việc thành lập Đoàn thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thành phố Hồng Ngự, giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội tại Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Tân Hội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022; theo kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Tân Hội của Đoàn thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thành phố Hồng Ngự, giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Tân Hội, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra từ ngày 16/12/2022 đến ngày 19/12/2022.

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Tân Hội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về việc đề nghị thẩm tra,xét, công nhận xã Tân Hội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

- Biên bản cuộc họp số 665/BB-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về việc đề nghị xét, công nhận xã Tân Hội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

- Báo cáo số 664/BC-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về tình hình nợ đọng của xã Tân Hội trong quá trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

- Báo cáo số 663/BC-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

- Báo cáo số 662/BC-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

- Hình ảnh minh hoạ kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Ban Chỉ đạo NTM&TCCNN xã đã cụ thể hóa xây dựng Kế hoạch số 244/KH-BCĐ ngày 30/5/2022 và Kế hoạch số 385/KH-BCĐ ngày 11/8/2022 của Ban Chỉ đạo CTMTQGXDNTM&TCCNN xã Tân Hội về thực hiện nâng cao các tiêu chí xã nông thôn mới của xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Kiện toàn Ban công tác xã, phân công nhiệm vụ từng thành viên đảm nhiệm thực hiện các tiêu chí.

Ủy ban nhân dân xã phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội của xã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai trong đoàn viên, hội viên sinh hoạt chi, tổ, hội và nhân dân lồng ghép các buổi sinh hoạt của tổ nhân dân tự quản, liên kết các mô hình tổ, nhóm đã tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân, nội dung tuyên truyền tập trung mục đích, ý nghĩa, những nội dụng cơ bản về xây dựng nông thôn mới, các nguồn vốn huy động để thực hiện chương trình, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Trong năm, đã lồng ghép tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới với phương châm *"tích cực, kiên trì vận động",* tạo điều kiện cho *"dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra"* và đã tổ chức trên 38 cuộc họp dân ở các ấp, có khoảng trên 1.427 lượt hộ dân tham dự; tuyên truyền vận động xây dựng thực hiện mô hình *"5 không 3 sạch"* được 1.851 hộ, đạt 99,3%; vận động Nhân dân làm hàng rào cây xanh, cột cờ, thực hiện tốt bảo vệ môi trường và đã có 1.789 hộ dân tham

gia đạt tỷ lệ 96%; tổ chức triển khai các văn bản mới trong xây dựng nông thôn mới nâng cao cho tất cả các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý, Ban phát triển các ấp và lồng ghép tuyên truyền đến Nhân dân qua các buổi sinh hoạt, họp trực tuyến được 18 cuộc với 248 người tham dự; tổ chức 3 lớp dạy nghề nông thôn như: Ương cá tra, nghề làm móng, điện cơ,.. có 55 học viên tham dự; ...

3. Xã Tân Hội đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 về việc phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Hội đến năm 2020; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp xã Tân Hội; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 về việc Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Tân Hội giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 23/QĐ - UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 về việc Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Tân Hội giai đoạn 2011 - 2020; Phối hợp phòng Kinh tế, phòng Quản lý đô thị thành phố Hồng Ngự triển khai lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của xã được Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt; Phối hợp phòng Quản lý đô thị thành phố Hồng Ngự rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Xã Tân Hội có Đồ án quy hoạch chung XDNTM xã Tân Hội còn hạn được phê duyệt tại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự. Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng NTM của xã Tân Hội và Bình Thạnh, UBND Thành phố đã chỉ đạo UBND xã phối hợp

với các phòng ban Thành phố rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng NTM cấp xã giai đoạn 2021-2025, trong đó: xã Tân Hội đã được UBND Thành phố phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hội, đến năm 2025 *(theo Công văn 2204/UBND-XDCB)*.

Đến nay, Ủy ban nhân dân xã Tân Hội phối hợp với các đơn vị có liên quan đã tiến hành các bước lập quy hoạch và đang tiến hành lấy ý kiến Sở Xây dựng đối với nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Tân Hội, thành phố Hồng Ngự giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030, với tổng kinh phí thực hiện 237.622.000 đồng. Dự kiến hoàn thành, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch trong tháng 12/2022.

Đối với quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới:

Xã có Quy hoạch Tuyến dân cư Bờ Nam kênh Cả Chanh theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt Đồ án và dự toán chi phí Quy hoạch chi tiết xây dựng Tuyến dân cư Tân Thành - Lò gạch *(TDC Bờ Nam Kênh cả Chanh)*; CDC Trung tâm xã Tân Hội theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch Cụm dân cư Trung tâm xã Tân Hội; TDC Bờ Bắc Tân Hội *(cụm 5-12*), xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tuyến dân cư bờ bắc Tân Hội *(cụm 5-12)*, xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu trung tâm thương mại Dịch vụ - cửa khẩu Mộc Rá, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Đạt theo quy định.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 237,622 triệu đồng từ ngân sách địa phương.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…)* theo quy định *(nền rộng 6,5 mét; mặt rộng 3,5 mét)*.

- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp:

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (nền rộng 5,0 mét; mặt rộng 3,5 mét) chỉ tiêu đạt 100%.

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (chỉ tiêu đạt ≥ 70%)

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp *(nền rộng 4,0 mét, mặt rộng 3,0 mét) (chỉ tiêu đạt ≥ 90%)*

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp *(nền rộng 4,0 mét, mặt rộng 3,0 mét) (chỉ tiêu đạt ≥ 70%)*

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

+ Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% *(13,6/13,6km)*.

+ Tỷ lệ km đường trục thôn (ấp), xóm được cứng hóa đạt 17,24/17,24 km, đạt 100%.

+ Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 3,9/3,9 km, đạt 100%.

+ Tỷ lệ đường nội đồng được cứng hóa, đạt 1,35/2,05 km, đạt 66%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

* *Đường xã*: Tổng cộng có 2 tuyến đường với chiều dài 13,9 km đã được nhựa hóa và bê tông hóa 13,6km/13,6 km *(nền 6,5m, mặt rộng 3,5 – 4,5m)* đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và các hạng mục cần thiết *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh)* theo quy định, đạt 100%.

* *Đường trục ấp, liên ấp:*

+ *Về đầu tư cứng hóa:* Toàn xã có 04 tuyến đường trục ấp, liên ấp với tổng chiều dài 17,24 km, đã thực hiện nhựa hóa được 17,24/17,24 km được đầu tư cứng hóa *(nền rộng 5m, mặt rộng 3,5m)* và bảo trì hàng năm đạt 100%.

+ *Về đầu tư các hạng mục cần thiết theo quy định biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh) và đảm bảo sáng – xanh - sạch - đẹp đạt 70%:* Có 12,93/17,24 km đường trục ấp được đầu tư các hạng mục cần thiết theo quy định *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh)* và trồng cây xanh, được duy trì phát hoang, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 75%.

* *Đường ngõ, xóm sạch được cứng hóa đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (nền rộng 4m, mặt rộng 3m) ≥ 90%*: Toàn xã có 02 tuyến đường ngõ, xóm với tổng chiều dài là 3,9km. Đã thực hiện nhựa hóa và cứng hóa được 3,9/3,9km *(nền 5m, mặt 3m)* đạt 100%.

* *Đường trục chính nội đồng:* Toàn xã có 03 tuyến đường nội đồng với tổng chiều dài 2,05 km đều được bê tông hóa và rải đá dăm đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Đã thực hiện rải đá 2,05/2,05km *(nền rộng 4m, mặt rộng 3m)* đạt tỷ lệ 100 %.

Hàng năm, xã ban hành Kế hoạch duy tu, sửa chữa các công trình giao thông đảm bảo an toàn theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07/10/2013 về Công bố Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ: TCCS 07: 2013/TCĐBVN và đảm bảo an toàn giao thông.

- Khối lượng thực hiện: Đạt theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: 18.148 triệu đồng từ ngân sách Trung ương, Tỉnh, Thành phố, địa phương và nhân dân đóng góp.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông.

4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động *(chỉ tiêu đạt ≥ 90%)*.

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững *(đạt).*

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước *(Cây lúa 55%, cây ăn trái ≥ 25, hoa màu ≥ 20%)*.

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm *(đạt)*.

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi *(đạt)*.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Toàn xã có 03 khu đê bao, chiều dài 23,66 km, trong đó 02 khu đê bao sản xuất lúa 03 vụ/năm, đã được xây dựng kiên cố *(nền 6m, mặt nhựa 3,5m)* chiều dài 17,16 km bảo vệ diện tích 480 ha đất sản xuất, chủ động tưới tiêu cho diện tích 1927,78 ha đất sản xuất đạt 100%. Riêng khu 1 được đầu tư xây dựng đảm bảo ăn chắc lúa 02 vụ trong năm, chiều dài 5,2 km *(nền 4m, mặt rãi đá cấp phối 3m)*. Có quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai theo Quyết định số 33 /QĐ-UBND có 32 thành viên, thành lập đội xung kích theo quyết định số 34/QĐ-UBND, 03 chốt cứu hộ cứu nạn được trang bị đầy đủ các thiết bị ứng cứu.

Có 24 tuyến kênh mương nội đồng với tổng chiều dài 62,146 km phục vụ tốt cho nhu cầu cấp nước tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

** Về tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (chỉ tiêu đạt ≥ 90%):*

Trên địa bàn xã có 01 HTX, 02 THT hoạt động tưới tiêu chủ động với diện tích 1.927,78 ha/năm đảm bảo sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đạt trên 95% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghệp được tưới chủ động 1.927,78/1.811 ha *(tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động là 94%).*

+ Diện tích đất sản xuất nông nghệp được tiêu chủ động 2.081,85/1.923 ha *(tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động là 92,3%).*

+ Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thuỷ sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động trở lên có 79,92/79,92 ha đạt 100%.

** Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:*

Trên địa bàn xã có HTX Tân Hòa Thuận hoạt động dịch vụ tưới tiêu hiệu quả, có điều lệ quy chế hoạt động, có tổ chức bộ máy, người vận hành đảm bảo năng lực thực hiện quản lý hệ thống thủy lợi cơ sở, thực hiện tốt việc cấp, tưới, tiêu và thoát nước phục vụ nhu cầu sản xuất trong khu vực; kịp thời đề xuất về cấp trên bảo dưỡng, sửa chữa các các công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

** Về tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (cây lúa 55%, cây ăn trái ≥ 25, hoa màu ≥ 20%)*:

Diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là cây lúa và cây ăn trái. Trong đó: *Cây lúa*, có 1.677/1.927,78 ha áp dụng chương trình 1 phải 5 giảm, … thực hiện tưới tiết kiệm nước đạt 87 %; *Cây ăn trái*, có 25/43,1 ha áp dụng tưới tiết kiệm nước đạt 58%; *Hoa màu*, có 14/19,3 ha áp dụng tiết kiệm nước đạt 57%.

** Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (đạt):*

Toàn xã có tổng cộng 46,3km mương *(Trong đó: có 4,3km được bê tông hóa (với chiều ngang 1m) và 42 km còn lại được duy tu, nạo vét hàng năm đảm bảo tưới và tiêu đáp ứng nhu cầu sản xuất an toàn)*; có 15 hệ thống cống *(Trong đó: có 02 cống hở và 13 cống tròn được xây dựng và bố trí đều tại các ô bao nhằm đảm bảo tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời đảm bảo việc kiểm soát lũ triệt để ở các ô bao khép kín*). Hàng năm, xã có ban hành kế hoạch nạo vét, duy tu các tuyến kênh thủy lợi nội đồng đảm bảo theo lộ trình, đảm bảo cho sản xuất và công tác phòng chống thiên tai, đạt 100%.

** Về thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (đạt):*

Trên địa bàn xã có 03 hộ nuôi trồng thủy sản thải nước trực tiếp vào các công trình thủy lợi, ước khối lượng 2.000m^3/ngày đêm; Việc kiểm soát nước thải từ các ao lắng, lọc trong ao nuôi thủy sản được các hộ dân quan tâm thực hiện

thường xuyên, đảm bảo theo quy định *(có thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, có biện pháp xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường)*.

** Về đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:*

Hàng năm, xã đều chủ động thực hiện công tác phòng chống thiên tai-Tìm kiếm cứu nạn theo quy định, cụ thể: Ban hành quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2022 thành lập Ban chỉ huy PCTT-TKCN; Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2022 kiện toàn BCH PCTT-TKCN xã, Ban hành Phương án số 02 /PA-PCTT; Kế hoạch số 03/KH-BCH thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai; Quyết định số: 33/QĐ-BCH về việc thành lập đội xung kích PCTT-TKCN và quy chế hoạt động của đội xung kích…Công tác vận động tuyên truyền được triển khai thực hiện đạt trên 80%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: 6.237 triệu đồng từ ngân sách Trung ương, Tỉnh, Thành phố, địa phương và hợp tác xã.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai.

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp với tổ chức và cá nhân có chức năng quản lý, vận hành lưới điện và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt trên 99%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Thời gian qua ngành điện cùng địa phương duy trì đảm bảo các bình hạ thế phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho dân, tổ chức phát hoang các tuyến đường trung thế và hạ thế đảm bảo an toàn của ngành điện, đến nay tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn thường xuyên chiếm 98%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Hệ thống điện trung, hạ thế trên địa bàn xã được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển ngành điện và thường xuyên được kiểm tra độ an toàn. Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ thế được đầu tư, cải tạo đảm bảo vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp với tổ chức và cá nhân có chức năng quản lý, vận hành lưới điện và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 1.856/1.863 hộ, chiếm 99,6% so với năm 2018 tăng 1,6%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: 350 triệu đồng từ ngân sách nhà nước.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 4 về Điện.

4.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ trường học các cấp *(mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS*) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 *(chỉ tiêu 100%)*.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi *(Đạt)*.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS *(Mức độ 3)*.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ *(Mức độ 2)*.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại *(khá)*.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền *(≥ 01 mô hình)*.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao

Trên địa bàn xã có 03 điểm trường: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học và 01 trường THCS. Trong đó, có 02 trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và 01 trường đang xây dựng đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Cụ thể:

+ Trường THCS Tân Hội: Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Trường Mẫu giáo Tân Hội: Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Trường Tiểu học Tân Hội: Đang xây dựng để đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục THCS: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục MN cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt

+ Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

******* *Về tỷ lệ trường học các cấp:*

Trường THCS Tân Hội và Trường Mẫu giáo Tân Hội đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 *(tương đương chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)*; Trường Tiểu học Tân Hội đã được Sở GDĐT khảo sát sơ bộ, đến ngày 22/12/2022 Sở GDĐT sẽ đến khảo sát chính thức để công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Ước đến cuối năm 2022 Trường TH Tân Hội sẽ đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 *(tương đương chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2)*. Như vậy, tất cả 03/03 Trường được đầu tư cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

** Về duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non; phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3); đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2):*

Xã Tân Hội duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 *(theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 – thành phố Hồng Ngự)*.

** Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại:*

Năm 2021, xã Tân Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố đánh giá và công nhận *"Cộng đồng học tập"* loại tốt *(theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã năm 2021).*

** Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (≥ 01 mô hình)*:

Các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tân Hội đều có xây dựng mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Cụ thể, Trường THCS Tân Hội có mô hình giảng dạy lớp bóng đá cho học sinh xã Tân Hội năm 2022-2023; Trường TH Tân Hội có mô hình Thể dục giữa giờ, câu lạc bộ bóng đá, cầu lông, điền kinh.

- Khối lượng thực hiện: Hoàn thành 03/03 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất, trong đó có 01 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Kinh phí thực hiện: 37.965,8 triệu đồng từ ngân sách nhà nước.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 5 về Trường học.

4.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên *(đạt)*.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định *(đạt)*.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới *(100%)*.

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng của xã được xây dựng mới hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2018 (*đạt tiêu chí*). Ban Giám đốc Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng của xã được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-UBNĐ ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự, gồm có: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Ủy ban nhân dân xã cũng đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm *(Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng xã Tân Hội)*. Theo đó, Trung tâm có 4 tiểu ban chuyên môn, gồm: Tiểu ban Tuyên truyền giáo dục chính trị pháp luật; Tiểu ban Phổ biến và Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ; Tiểu ban Văn hóa - xã hội, y tế và môi trường; Tiểu ban Bổ túc văn hóa tin học. Có 03/03 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

** Về lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng:*

Xã có 2 điểm lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, mỗi điểm 05 dụng cụ, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tham gia luyện tập TDTT, các cụ cao tuổi, các em nhỏ trên địa bàn có nơi tập thể dục dưỡng sinh và vui chơi giải trí trong điều kiện, thời gian thích hợp.

** Về tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên:*

Trên địa bàn xã có 03 câu lạc bộ đờn ca tài tử được thành lập trên ba ấp, mỗi câu lạc bộ có số người tham gia từ 9 đến 13 thành viên tham gia; có 03 câu lạc bộ cờ tướng, 03 câu lạc bộ bóng đá, 03 câu lạc bộ bóng chuyền, 01 câu lạc bộ đá cầu được hoạt động thường xuyên góp phần rèn luyện sức khỏe, vui chơi, giải trí của người dân nông thôn.

** Về Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định:*

Xã thành lập Ban quản lý di tích; Không có tình trạng lấn chiếm di tích, mất cắp hiện vật tại di tích. Hàng năm, xã xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội văn hóa, truyền thống tại các di tích trên địa bàn. Có danh sách kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa đối với Đình Tân Hội và Miễu Bà trên địa bàn xã.

** Về tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:*

Toàn xã có 03/03 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa được công nhận theo Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022, đạt tỷ lệ 100%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: 3.889,2 triệu đồng.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm *(đạt)*.

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Xã có điểm mua bán tập trung, thuộc ấp Tân Hòa Thuận được đầu tư xây dựng đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới, tổng diện tích chợ là 2.209 m^2 *(không tính khu dân cư)* trong đó nhà lồng được xây dựng với quy mô diện tích 300 m^2, phục vụ nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa, tiểu thương kinh doanh các mặt hàng theo quy định, văn minh, lịch sự và đảm bảo tốt công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trong phạm vi mua bán, có nội quy của Ban quản lý chợ Thành phố và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Thực hiện Chỉ đạo của UBND Thành phố, đã bàn giao điểm mua bán cho Ban Quản lý chợ tiếp nhận và quản lý ngày 09/5/2018. Tuy nhiên, số hộ kinh doanh không nhiều, nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa không lớn. Do đó không cần thiết phải tiếp tục quy hoạch chợ nông thôn nên được UBND Thị xã ban hành Quyết định số 126A/QĐ-UBND ngày 29/5/2018, về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chung xây dựng, theo đó điều chỉnh chợ Tân Hội thành điểm mua bán tập trung xã Tân Hội.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, UBND Thị xã *(nay là thành phố Hồng Ngự)* ban hành Quyết định số 17/QĐUBND-HC, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại - dịch vụ thị xã Hồng Ngự đến năm 2020 và định hướng năm 2030. Để đáp ứng nhu cầu về các chỉ tiêu điểm mua bán *(điểm mua bán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao)*, Ban quản lý chợ Thị xã tổ chức thực hiện các nội dung quản lý và khai thác theo quy định. Theo Quyết định số 565/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc Hợp nhất Ban Quản lý chợ Thị Xã và Ban quản lý công trình công cộng Thị xã thành lập Ban quản lý chợ và dịch vụ công cộng Thị xã Hồng Ngự thì việc quản lý chợ, điểm mua bán tập trung do đơn vị phụ trách. Công tác quản lý chợ, điểm mua bán tập trung được thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định:

Thực hiện gắn bảng Nội quy điểm mua bán, Xây dựng Đề án, Nội quy phòng cháy chữa cháy; Đề án bảo vệ môi trường... và ban hành quyết định phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Khối lượng thực hiện:

Xã luôn quan tâm chỉnh trang, sắp xếp các hộ kinh doanh, buôn bán trong khu vực điểm mua bán tập trung xã và thường xuyên nâng cấp xây dựng một số công trình như: nhà vệ sinh, khu giữ xe, sân đal. Tại điểm mua bán có hơn 40 hộ mua bán với các ngành hàng như: giải khát, thực phẩm, hàng bông, thịt cá... Tổ chức sắp xếp khu vực mua bán thông thoáng theo tiêu chí chợ nông thôn mới. Ban quản lý điểm mua bán tập trung xã thường xuyên tuyên truyền các hộ tiểu thương không buôn, bán hàng giả; thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường, chung tay cùng chính quyền địa phương xây dựng nông thôn mới.

Do hoạt động không hiệu quả nên thời gian qua địa phương không đầu tư nhà lồng chợ mà chỉ đầu tư các hạng mục như: sân đal, cống vĩa hè... để bảm bảo vẽ mỹ quan khu mua bán.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 1.906 triệu đồng từ ngân sách Trung ương hỗ trợ.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân *(đạt)*.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh *(đạt)*.

- Có dịch vụ báo chí truyền thông *(đạt)*.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới *(đạt)*.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…) *(đạt)*.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Xã có 01 Bưu điện văn hóa tại trung tâm xã được xây dựng đạt chuẩn, đáp ứng các dịch vụ Bưu chính, viễn thông. Mạng lưới viễn thông, wifi phủ rộng khắp toàn xã; có 01 điểm internet cho dân truy cập miễn phí tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

Sử dụng phần mềm iDesk trong hệ thống UBND xã, quản lý Hộ tịch ngành tư pháp, ...

Tại trung tâm xã có hệ thống truyền thanh để tiếp âm các đài như truyền thanh Thành phố, đài Đồng Tháp, đài Việt Nam và phát thanh của xã 02 buổi/ngày. Viết tin gởi về đài Thành phố, thông báo địa phương.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

** Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân*:

Xã có 01 Bưu điện văn hóa tại trung tâm xã được xây dựng đạt chuẩn, đáp ứng các dịch vụ Bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

** Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:*

Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn xã là 3.508/3.812 người đạt tỷ lệ 92%.

** Có dịch vụ báo chí truyền thông:*

Các dịch vụ báo chí truyền thông tại xã được các ngành quan tâm thực hiện như: tủ sách tại trung tâm HTCĐ, nhà văn hóa các cấp, Trụ sở Hội quán lươn, trường học.

** Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới:*

Xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức: Toàn xã có 21 cán bộ, công chức điều được trang bị máy tính để phục vụ công tác *(đạt 100%)*. Ngoài ra, xã còn ứng dụng các phần mềm *(công nghệ thông tin)* để quản lý, điều hành tại địa phương như: phần mềm quản lý và điều hành văn bản iDesk, phần mềm ứng dụng chữ ký số - chứng thư số *(CKS-CTS)*, hệ thống hộp thư điện tử Đồng Tháp, phần mềm một cửa.

** Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...):*

Hệ thống Wifi miễn phí được lắp đặt tại các cơ quan, trung tâm học tập cộng đồng xã, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, điểm tham quan vườn cam, khu ẩm thực sinh thái Ao Nhà để phục vụ nhu cầu truy cập Internet miễn phí của người dân.

- Khối lượng thực hiện: Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

c) Đánh giá: Xã đạt chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố *(≥ 75%)*.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Xã cũng đã tổ chức rà soát, điều tra phân ra đối tượng nhà ở thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn để có chính sách hỗ trợ phù hợp, ngoài ra các đoàn thể xã tuyên truyền vận động nhân dân chỉnh trang nhà ở nhằm xóa nhà tạm, nâng tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn bền vững theo quy định. Toàn xã có 1.377 căn nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, chiếm 76,16%; nhà chưa đạt chuẩn 431 căn nhà, đạt 23,84%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Xã huy động các mạnh thường quân nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh, ... và các nguồn lực khác tổ chức xây dựng 8 căn nhà và sửa chữa 11 căn nhà. Hiện nay không còn nhà tạm bợ, dột nát trên địa bàn xã.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tự sữa chữa nhà ở được 129 căn, kinh phí trên 5 tỷ đồng.

- Khối lượng thực hiện:

Ban Chỉ đạo xã quan tâm và tập trung xóa nhà tạm, nhà không đạt chuẩn; vận động nhân dân chỉnh trang và xây dựng mới nhà ở. Vì vậy, đến nay toàn xã có 1.863 căn, trong đó có 1.454 căn nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, chiếm 78%; nhà chưa đạt chuẩn 409 căn nhà, đạt 22% *(không còn nhà tam, dột nát)*.

- Kinh phí thực hiện: 5.285 triệu đồng từ ngân sách Tỉnh, Thành phố, mạnh thường quân, dân đóng góp.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 *(≥ 64 triệu đồng/người)*.

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Tổ chức điều tra mức thu nhập bình quân đầu người của 7.640 nhân khẩu thực tế. Kết quả thu nhập bình quân 2018 đã được Chi cục Thống kê Thị xã xác nhận là 41,630 triệu đồng/người/năm.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Xã tập trung chỉ đạo vận động nhân dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả; Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn vốn vay để mở rộng sản xuất, kinh

doanh; Quan tâm công tác đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm ở nông thôn gắn với vận động lao động đi làm việc ở các công ty, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước; Đẩy mạnh phong trào phát triển kinh tế hợp tác (HTX, THT, HQ) trên địa bàn hoạt động hiệu quả, thực hiện chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa theo hướng an toàn; Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp được quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt, đảm bảo cho việc phát triển bền vững; Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì phát triển;... đã góp phần tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho lao động địa phương, chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã ngày càng khá, giàu; tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt qua từng năm.

Kết quả thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2022 đạt 64,052 triệu đồng/người/năm *(tăng 22,422 triệu đồng/người/năm so với năm 2018)*.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Đạt theo quy định.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 5.285 triệu đồng *(vốn Tỉnh, Thành phố).*

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập.

4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đạt).

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Cuối năm 2018, tổng số hộ nghèo của xã là 24 hộ *(đã trừ 35 hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội)*, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 1,31%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Hàng năm, xã tiến hành điều tra nắm rõ số hộ nghèo trên địa bàn, đồng thời nắm chắc các mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của từng hộ nghèo, phối hợp MTTQ và các hội đoàn thể xã tuyên truyền, hướng dẫn cho đoàn viên, hội viên, Nhân dân làm ăn vươn lên thoát nghèo bền vững, qua đó nắm nhu cầu của hộ nghèo để có hướng giúp đỡ như: hỗ trợ về vốn vay, học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm; Công tác vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng và người dân trong độ tuổi lao động làm việc tại các công ty, xí nghiệp trong và ngoài Tỉnh luôn đước quan tâm.

Cùng với việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, công tác truyền thông phổ biến chính sách pháp luật về giảm nghèo luôn được cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện nhằm tuyên truyền đến người dân, đặc biệt là người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo; làm chuyển biến và nâng cao ý thức thực hiện các mục tiêu về giảm nghèo và ý chí vươn lên

thoát nghèo; Đồng thời tạo điều kiện và hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận vốn vay phát triển kinh tế.

Qua đó, đã giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã xuống còn 2,42% *(Xã có tổng cộng 1.863 hộ. Trong đó: hộ nghèo, cận nghèo của xã là 45 hộ (đã trừ số hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động là 10 hộ) chiếm tỷ lệ 2,42%)*.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 8.221 triệu đồng, từ nhiều nguồn vốn huy động.

***c) Đánh giá*:** Xã đạt tiêu chí 11 về nghèo đa chiều.

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo ≥ 75% (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (chỉ tiêu ≥ 75%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ ≥ 30% (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (chỉ tiêu ≥ 30%).

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn (chỉ tiêu ≥ 70%).

b) Kết quả thực hiện:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Cuối năm 2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa xã là 70%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 29%; Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn là 10%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

**Về tỷ lệ lao động qua đào tạo ≥ 75% (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Xã Tân Hội có 3.274 người trong độ tuổi có khả năng lao động và số lao động có việc làm thường xuyên là 2.543 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 77,67%.

**Về tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ* chỉ ≥ 30% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động tại xã là 3.274 người. Số người có bằng đại học, trung cấp, sơ cấp là 1.125 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 34,36%.

**Về tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn (chỉ tiêu ≥ 70%):*

Người trong độ tuổi lao động đang thực tế cư trú và làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn là 2.575 người. Tổng số người trong độ tuổi

lao động đang làm việc và cư trú tại địa phương là 3.252 người. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chỉ lực của xã chiếm 79,18%.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 120 triệu đồng từ nhiều nguồn vốn huy động.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm.

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định *(≥ 1 HTX)*.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn *(≥ 01 sản phẩm OCOP 3 sao trở lên)*.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm *(≥ 1)*.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã *(đạt)*.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử *(≥ 10%)*.

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng *(≥ 01 mã vùng)*.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội *(đạt)*.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị *(kinh tế, văn hoá, môi trường) (≥ 01 mô hình)*.

- Có ít nhất 01 *(một)* mô hình hội quán hoạt động được xếp loại Tiêu biểu trong năm *(đạt)*.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Trên địa bàn xã có 01 HTX nông nghiệp Tân Hòa Thuận hoạt động dịch vụ tưới tiêu từ năm 2017 và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; có 02 Tổ hợp tác và 01 Hội quán hoạt động hiệu quả, nâng cao thu nhập người dân góp phần phát triển kinh tế địa phương. Hầu hết thành viên của HTX, Hội quán, Tổ hợp tác đều nhận thức được lợi ích của việc tham gia làm ăn kinh tế theo hình thức tập thể; các hình thức kinh tế có những kế hoạch, giải pháp hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

** Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định:*

Trên địa bàn xã có Hợp tác xã nông nghiệp Tân Hòa Thuận hoạt động tốt dịch vụ tưới tiêu và liên kết tiêu thụ lúa từ năm 2020 đến nay và hoạt động có lãi liên tục nhiều năm (*cụ thể năm 2020 chia lãi 40.000 đ/CP, năm 2021 chia lãi 32.000đ/CP)*. Năm 2022, HTX nông nghiệp Tân Hòa Thuận duy trì 82 thành viên *(trong đó có 82 thành viên có diện tích đất sản xuất nông nghiệp tham gia vào HTX)* và làm cầu nối liên kết tiêu thụ lúa trong 3 vụ liên tiếp được 267 ha, số lượng nông dân tham gia 126 nông dân.

** Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:*

Theo Công văn số 2993/UBND-KT ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự về việc đăng ký, đánh giá phân hạn đối với sản phẩm OCOP năm 2022 của thành phố Hồng Ngự thì trên địa bàn xã Tân Hội có 03 sản phẩm *(đạt hạng 3 Sao cấp Thành phố)* đăng ký tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp Tỉnh năm 2022. Cụ thể các sản phẩm gồm: Khô lươn Tân Hòa, Khô cá trê vàng Tân Hoà, Chà bông lươn Tân Hòa của Hộ kinh doanh Lâm Văn Dai *(Út Dai)* thuộc thành viên Tân Thạnh Hội quán *(Hội quán lươn)*. Hiện tại, các sản phẩm này đang chờ kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP của Tỉnh *(chưa có kết quả công bố)*.

** Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:*

Trên địa bàn xã có mô hình cơ giới hóa các khâu trong xản xuất do HTX nông nghiệp Tân Hòa Thuận thực hiện trong ô bao Khu 3, xã Tân Hội với diện tích 241 ha, cụ thể như sau: Khâu làm đất áp dụng cơ giới hóa, đạt 100%; Khâu gieo sạ áp dụng cơ giới hóa, đạt 85%; Khâu bón phân áp dụng cơ giới hóa, đạt 85%; Khâu phun thuốc áp dụng cơ giới hóa, đạt 98%; Khâu thu hoạch áp dụng cơ giới hóa, đạt 100%.

** Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:*

Trên địa bàn xã có vườn mít thái của ông Nguyễn Văn Phụng ấp Tân Hòa Thuận, diện tích 06 ha, Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm theo quy định. Các sản phẩm của Hộ kinh doanh – Lâm Văn Dai có trong Hệ thống Quản lý truy xuất nguồn gốc của Sở Công thương (http://dacsandongthaptxng.vn) và điều có mã vạch sản phẩm.

** Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:*

Hiện nay tại xã Tân Hội có sản xuất cả 04 ngành hàng chủ lực của Thành phố *(lúa, cá tra, cây ăn trái, lươn)*. Tuy nhiên về qui mô và số lượng thì cây lúa

được chiếm diện tích nhiều nhất, bên cạnh tại địa bàn xã cũng có vùng quy hoạch nuôi cá tra giống 3 cấp, với diện tích 50ha mặt nước; về cây ăn trái cũng đang dần phát triển tại các khu 03 vụ của xã, một số loại cây ăn trái chủ yếu như cam, mít thái, dừa và một số loại cây ăn trái khác. Tuy sản xuất chưa tập trung chủ yếu phát triển theo phòng trào nhưng phù hợp với quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa của địa phương; có 01 Hội quán với tên là "Tân Thạnh Hội quán" đây là hội quán nuôi và sản xuất giống lươn trên địa àn 02 xã Tân Hội và Bình Thạnh, nhưng tập trung sản xuất nhiều tại xã Tân Hội. Bên cạnh đó địa phương cũng phát triển một số mặt hàng cây kiểng như hoa sứ, hoa giấy, hoa lan,… được quảng bá qua kênh youTube "Hoa kiểng Anh Khoa", "Vườn sứ Trần Son", bán hàng live stream, đăng zalo, facebook, … Hiện nay có một số sản phẩm của tại xã được bán trên sàn thương mại điện tử https://voso.vn gồm các sản phẩm sau: khô lươn 1 nắng Tân Hòa, chà bông lươn Tân Hòa, Khô cá trê vàng Tân Hòa ***(kèm theo hình ảnh được in trên voso.vn).***

** Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:*

Tổng diện tích gieo trồng trong năm của xã là 1.836,19 ha, đạt 100% so với kế hoạch. Trong đó lúa chất lượng cao 1.608 ha chiếm 87,5%, diện tích thu hoạch đạt 100% so với diện tích xuống giống, năng suất bình quân 6,5 tấn/ha, Sản lượng 11.936,17 tấn.

Theo Công văn 1375/TTBVTV-KDNĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 của chi cục bảo vệ thực vật Tỉnh Đồng Tháp; thông báo kết quả cấp mã vùng trồng đợt 1 tháng 9/2022; Công nhận HTX nông nghiệp Tân Hòa Thuận, diện tích quản lý 241 ha, số hộ 206, đủ điều kiện cấp mã vùng trồng *(tại phụ lục 7)*.

Theo Công văn 1672/TTBVTV-KDNĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 của chi cục bảo vệ thực vật Tỉnh Đồng Tháp; thông báo kết quả cấp mã vùng trồng đợt 1 tháng 10/2022, Công nhận khu 2 ấp Tân Hòa Trung, diện tích 188,26 ha, đủ điều kiện cấp mã vùng trồng *(tại phụ lục 5)*.

** Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:*

Xã có trang Website riêng của xã để quảng bá hình ảnh về du lịch trên địa ban xã *(Website có tên: Du lịch xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự)*.

** Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):*

Từ một nông dân thực thụ gắng kết với nông nghiệp, ông Dai *(ấp Tân Hòa, Tân Hội)* đã mạnh dạn tìm hướng đi riêng cho bản thân và luôn dẫn đầu trong các lĩnh vực chăn nuôi tại địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển ngành hàng Lươn của địa phương và là người có qui trình nuôi Lươn khép kín từ khâu nuôi Lươn bố mẹ cho sinh sản đến Ương dưỡng Lươn giống và nuôi Lươn thịt áp dụng

kỹ thuật nuôi Lươn sạch bằng hệ thống lọc tuần *hoàn (được coi là mô hình mới của địa phương cũng như trong toàn Tỉnh)*. Thành công trong lĩnh vực trên, tuy nhiên không dừng lại ở khâu sản suất và bán sản phẩm thô đơn thuần, ông còn tạo ra giá trị gia tăng cho con Lươn địa phương bằng cách chế biến chúng ra các sản phẩm có giá trị cao để cung cấp cho thị trường cụ thể như Khô Lươn, Chà bông Lươn, mắm Lươn. Năm 2022, qua kết quả đánh giá, xếp hạng các sản phẩm OCOP của Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP thành phố Hồng Ngự đánh giá đạt 03 Sao cho sản phẩm Khô Lươn, Chà bông Lươn của Hộ kinh doanh - Lâm Văn Dai và đề nghị Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP Tỉnh xem xét, đánh giá, xếp hạng *(đang chờ kết quả đánh giá xếp hạng của Tỉnh)*.

Đồng thời, cơ sở của ông đã được Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm *(số 73/2022/NNPTNT-ĐT, cấp ngày 15/9/2022 và có giá trị đến ngày 15/9/2025)*. Bên cạnh đó, Ông đã mạnh dạn đầu thêm thiết bị để từng bước cơ giới hóa đồng bộ quy trình sản xuất như máy ép hút chân không, tủ đông, hệ thống nuôi lươn tuần hoàn, ... đồng thời tổ chức liên kết, hỗ trợ đầu ra con Lươn cho các thành viên Hội quán.

Giá trị kinh tế mang lại của mô hình nuôi lươn tuần hoàn và sản phẩm giá trị gia tăng từ con Lươn trong năm 2022 của gia đình Ông như sau: Đối với qui trình nuôi Lươn tuần hoàn và sản xuất giống Lươn trong năm đạt khoảng 200.000 con lươn giống và đạt 1,8 - 2 tấn lươn thịt; Đối với mặt hàng sản phẩm khô lươn sản xuất từ 200-500kg. Mặt hàng này hiện này vẫn còn mới lạ so với người tiêu dùng, do đó sản lượng sản xuất còn hạn chế. Tuy nhiên về lâu dài đây là mặt hàng tiềm năng và có khả năng phát triển của địa phương. Sau khi trừ hết chi phí giá thành sản xuất Lươn giống, thịt và sản phẩm khô Lươn, lợi nhuận mang lại cho gia đình Tôi khoảng 394.500.000 đồng/năm. Trong năm 2022 thị trường tiêu thụ con Lươn không ổn định, giá cả bấp bênh, kéo theo lợi nhuận không bằng các năm trước. Tuy nhiên, do sản xuất khép kính từ khâu sản xuất giống, nuôi thương phẩm đến chế biến cũng góp phần giải quyết việc làm cho số lao động nhàn rỗi, lao động nông thôn tại địa phương có thêm nguồn thu nhập.

** Có ít nhất 01 (một) Mô hình hội quán hoạt động được xếp loại Tiêu biểu trong năm:*

Xã có 01 Hội quán *(Tân Thạnh Hội quán),* chuyên sản xuất lươn giống và nuôi lươn thương phẩm được đánh giá là Mô hình Hội quán hoạt động tiêu biểu trong năm 2022, theo Thông báo số 82/TB-MTTQ-BTT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Hồng Ngự.

- ***Khối lượng thực hiện:***Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 500 triệu đồng, từ nhiều nguồn vốn.

c) Đánh giá*:* Xã đạt tiêu chí số 13 về Sản xuất và tổ chức lại sản xuất.

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ≥ 95% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe ≥ 90% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa ≥ 40% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 70%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Cuối năm 2018, xã có 5.359/6.412 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 83,57%. Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia *(theo Quyết định số 568/QĐ-UBND.HC ngày 19 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi *(chiều cao theo tuổi)* là 93/487chiếm 19,09%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

Xã phối hợp phòng Y tế, Trung tâm y tế thành phố Hồng Ngự vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng nhu cầu tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Vận động mạnh thường quân hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, được 515 thẻ, tổng trị giá 31.077.675.000 đồng; Cấp bảo hiểm y tế cho hộ nghèo 294 hộ; Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho việt kiều Campuchia di cư tự di về nước, tổng cộng 27 người từ nguồn hỗ trợ kinh phí Thành phố. Vì vậy, đến nay lĩnh vực y tế trên địa bàn xã đạt được kết quả như sau:

** Về tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ≥ 95% (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Xã có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 5.579/5.810 người đạt 96,02% *(bỏ địa phương 1.110 người),* so với năm 2018 tăng 12,43%

*Về tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe ≥ 90% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Xã có 5.260/5.810 người dân được quản lý sức khỏe, chiếm tỷ lệ 90,53%.

** Về tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa ≥ 40% (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Xã có 4.223/5.810 người tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, chiếm tỷ lệ 72,68% *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*.

** Về tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 70%:*

Xã có 5.260/5.810 người có sổ khám chữa bệnh điện tử, chiếm tỷ lệ 90,53%.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- ***Kinh phí thực hiện:*** 300 triệu đồng từ nhiều nguồn vốn.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 14 về Y tế.

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện

Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Việc cập nhật, niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại xã vẫn còn hạn chế; Từng ngành chuyên môn và Bộ phận tiếp nhận trả kết quả chưa kịp thời tháo gỡ chấn chỉnh ngay để giúp cán bộ công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Việc xây dựng quy ước cộng đồng, ấp văn hóa, bình xét gia đình văn hóa, bình xét hộ nghèo, vẫn còn một bộ phận người dân nhận thức còn hạn chế, chưa được thông tin đầy đủ...

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Đẩy mạnh triển khai thực hiện theo chỉ tiêu quy định việc nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 và chấn chỉnh hồ sơ trễ hẹn trên phần mềm một cửa điện tử. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò tích cực, chủ động của người đứng đầu cơ quan, cán bộ đảng viên, giáo viên, đoàn viên, hội viên, nhân dân trong việc đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến. Tăng tỷ lệ nộp trực tuyến mức độ 3,4 đạt > 50% và đảm bảo 98% số thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả trước và đúng hạn.

- Nội dung và khối lượng thực hiện:

** Về ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:*

Hiện nay, xã đã bố trí đầy đủ cho cán bộ, công chức máy vi tính, cài đặt phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đạt theo yêu cầu.

**Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên:*

Xã ứng dụng dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3) để thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho 1.037/1.140 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91%.

**Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp:*

Các thủ tục hành chính trên địa bàn xã được giải quyết trước hạn, đúng hạn 98% và không có trường hợp khiếu nại vượt cấp.

- Kinh phí thực hiện: 20 triệu đồng từ nguồn ngân sách xã.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 15 về Hành chính công.

4.16. Tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu tiêu chí

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận *(≥1 mô hình)*.

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành *(≥90%)*.

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu *(≥90%)*.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Xã thực hiện tốt bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, không có trường hợp ép kết hôn, hàng năm tổ chức tuyên truyền vì sự tiến bộ phụ nữ thông qua họp lệ chi hội, họp Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội,có nhà lánh nạn khi có hành vi bạo lực gia đình. Hàng năm, xã đều được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

**Về có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận:*

Xã có 01 mô hình Câu lạc bộ hòa giải cơ sở *(theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã)* hoạt động hiệu quả. Năm 2021, xã được UBND nhân Thành phố công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 theo Quyết định số 116/QĐ-UBND-HC ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự.

**Về tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:*

Trong năm 2022, xã có 11 đơn khiếu kiện, mâu thuẫn trong nội bộ quần chúng nhân dân, kết quả có 10/11 đơn được hòa giải thành, đạt 91%.

*Về *tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:*

Tổng số hộ thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý năm 2022 là 104 hộ, trong đó có 99 hộ được hỗ trợ pháp lý đạt 95,1%.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật.

2.17. Tiêu chí số 17 về Cảnh quan - Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng *(nếu có)* đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn *(04/m^2/người)*.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao

**Về cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường:* Toàn xã có 20/20 cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo thủ tục môi trường đạt 100%; riêng các hộ nuôi trồng thủy sản với quy mô nhỏ lẻ, không thực hiện các thủ tục môi trường.

**Về xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:* Toàn xã 06 tuyến đường xanh-sạch-đẹp được xây dựng *(trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường),* với 1.279 hộ đăng ký tham gia thực hiện.

**Về Mai táng phù hợp quy định và theo quy hoạch:* Xã không quy hoạch nghĩa trang, sử dụng nghĩa trang tập trung tại xã Bình Thạnh, thị xã Hồng Ngự *(nay là thành phố Hồng Ngự*) phù hợp với quy định.

**Về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:* Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định như: xử lý bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng *(xã đã bố trí 18 hố thu gom, lưu giữ vỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng tại các điểm nội đồng, ấp Tân Hòa Trung, ấp Tân Hòa Thuận thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt)*; xã ban hành phương án thu gom chất thải rắn sinh hoạt số 582/PA-UBND ngày 26/8/2018, có 126/1.808 hộ tham gia hợp đồng thu rác;…

**Về hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:* Hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.380/1.808 hộ đạt 76%; nhà tắm 1.380/1.808 hộ đạt 76%; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100% và hộ đảm bảo 3 sạch 1.307/1.808 hộ đạt tỷ lệ 70%.

**Về hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:* Hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 63/98 hộ đạt tỷ lệ 71% *(Đa số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không đủ diện tích theo quy định để lập thủ tục môi trường)*.

**Về hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:* Toàn xã có 570/570 hộ gia đình sản xuất nông, lâm, thủy sản ban đầu nhỏ lẻ và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện cam kết theo phân cấp quản lý đúng quy định về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

**Về khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường*:

Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ trên địa bàn.

**Về tỷ lệ sản xuất-kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:*

+ Toàn xã có 25/25 cơ sở (đạt 100%) có thủ tục hành chính về môi trường được duyệt và thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải *(nước thải, khí thải và chất thải rắn)* và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường. Trong đó, có 03 cơ sở thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

+ Trên địa bàn xã có một hộ nuôi thủy sản trên 5ha *(diện tích mặt nước ≥ 5.000m^2)* và một số hộ nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, các hộ nuôi trồng thủy sản không sử dụng thuốc thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

+ Đối với làng nghề thì trên địa bàn xã không có làng nghề.

**Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gôm và xử lý theo quy định:*

Toàn xã có 1.779 /1.863 hộ tham gia hợp đồng thu gom rác, tỷ lệ 95,49%; tự xử lý rác thải hợp vệ sinh, 84/1.863 hộ (tỷ lệ 0,04%); tự xử lý chất thải đúng theo quy định *(đào hố chôn lấp)* đối với khu vực chưa có tuyến thu gom rác thải.

Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng kế hoạch phối hợp các Đoàn thể xã, Ban nhân dân ấp tuyên truyền, vận động các hộ dân đăng ký thu gom rác đối với những tuyến đường xe thu gom rác lưu thông được.

**Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả:*

Những hộ dân sống tại các khu dân cư tập trung, nước thải được thu gom, xử lý theo hệ thống cống được quy hoạch chung. Những hộ dân sống ngoài các cụm tuyến dân cư nước thải được thu gom về các học lộ, đường nước bơm tưới của hợp tác xã và bể tự hoại gia đình. Toàn xã có 678/1.863 hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, chiếm tỷ lệ 36,99%.

**Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn:*

Hiện nay, xã chỉ có 1.452/1.863hộ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn, chiếm tỷ lệ 77,93% *(tại Khu dân cư trung tâm xã, tuyến dân cư bờ Nam Cả Chanh và các tuyến đường xe đến thu gom được hỗ trợ bộ thùng rác phân loại rác).*

**Về tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. Trong đó:

+ Vệc thu gom chất thải rắn bao gói thuốc BVTV: phối hợp với Hội Nông dân xã xây dựng mô hình thu gom rác thải trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để thuận lợi cho việc thu gom xử lý đúng quy định, xây dựng được 33 bể xi măng chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng. Các bao gói thuốc BVTV đã được thu gom xử lý đạt 100%, không còn tồn động.

+ Linh kiện điện tử, bóng đèn huỳnh quang, các chế phẩm thải nhiễm nhớt, nhớt thải của các cơ sở sản xuất - kinh doanh được các ngành tổ chức vận động

hộ gia đình thu gom không thải ra môi trường, thu gom bán lại cho các đơn vị tái sử dụng và xử lý theo quy định.

**Về tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường:*

Trong năm, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom là 1.356/1.249 tấn, đạt 81,3% *(gồm phân bò, trấu, rơm….)*.

**Về tỷ lệ chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi bảo vệ môi trường:*

Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn 78 hộ, trong đó có 68 hộ đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và môi trường đạt 88,4%.

**Về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch:*

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2017 và Quyết định số 841/QĐ-UBND.HC ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 *(kèm theo)*, xã Tân Hội sử dụng nghĩa trang chung được quy hoạch tại xã Bình Thạnh.

**Về tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:*

Tỷ lệ hỏa táng trong năm 2022 đạt tỷ lệ 10% *(40/40 người chết trong đó có 04 người được hỏa táng)*

**Về đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:*

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt trên 65,2m^2/người.

**Về tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:*

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 81,3%.

- Khối lượng thực hiện: Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- Kinh phí thực hiện: 250 triệu đồng từ ngân sách nhà nước.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 17 về Cảnh quan - Môi trường.

4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung *(≥ 55%)*.

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm *(≥ 60 lít)*.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững *(≥ 40%)*.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm *(100%)*.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm *(100%)*.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch *(≥ 80)*.

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường *(≥ 100%)*.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

**Về hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm: bảo 3 sạch:* Trên địa bàn xã có tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.380/1.808 hộ đạt 76%; nhà tắm 1.380/1.808 hộ đạt 76%; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100% và hộ đảm bảo 3 sạch 1.307/1.808 hộ đạt tỷ lệ 70%.

**Về Hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:*

Trên địa bàn xã có hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 63/98 hộ đạt tỷ lệ 71% .

*******Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:*

Toàn xã có 570/570 hộ gia đình sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện cam kết theo phân cấp quản lý đúng quy định về an toàn thực phẩm đạt 100%. Trong đó:

+ Các ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản: có 563 hộ gia đình sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ *(Trong đó, hộ sản xuất lúa 516 hộ, nuôi trồng thủy sản 43hộ, nuôi gia súc 04 hộ; đa số các hộ sản xuất với quy mô nhỏ nên không thực hiện các thủ tục môi trường, thực hiện cam kết theo quy định)*.

+ Ngành công thương: Có 7 cơ sở kinh doanh, đều có đầy đủ các thủ tục theo quy định.

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

**Về tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:*

Tổng số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã là 1.863/1.*863 (đạt 100%)*. Trong đó, số hộ sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là 1.552/1.863 *(đạt 99,4%).*

**Về cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:*

Nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người trên địa bàn xã 62,4lít/ngày đêm.

**Về tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:*

Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100% (*Công trình cấp nước của xã được Công ty cổ phần cấp nước và môi trường Đô thị Đồng Tháp cung cấp*).

**Về tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tuyền truyền, tập huấn về an toàn thực phẩm:*

Toàn xã có 721 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm đều được tuyền truyền, tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

**Về không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã:*

Trong năm 2022, trên địa bàn xã không có trường hợp ngộ độc thực phẩm.

**Về tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm:*

Toàn xã có 01 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tuyên truyền, tập huấn về an toàn thực phẩm và cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

**Về tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt HVS, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:*

Trên địa bàn xã, tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt HVS, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch như sau:

+ Hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh là 1.495/1.863 hộ *(đạt 80,2%)*.

+ Hộ có nhà tiêu an toàn 1.495/1.863 hộ *(đạt 80,2%)*.

+ Hộ đảm bảo 3 sạch là 1.491/1.863 *(đạt 80%)*.

**Về tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường:*

Xã không có xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng bãi chôn lấp của Thành phố được đầu tư tại xã Bình Thạnh.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- Kinh phí thực hiện: 128 triệu đồng, từ ngân sách địa phương.

c) Đánh giá: Xạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống.

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu tiêu chí

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn *(giao thông, cháy, nổ)* nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình *(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy)* gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

- Hiện trạng trước khi thực hiện nông thôn mới nâng cao:

Hàng năm, Công an xã tham mưu Đảng ủy, Hội đồng bảo vệ an ninh trật tự xã xây dựng kế hoạch thực hiện tốt công tác An ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội, xây dựng mô hình tổ nhân dân tự quản, mô hình tiếng loa an ninh được đánh giá tốt; không có trường hợp khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp; các vụ vi phạm trật tự xã hội, tệ nạn được kiềm chế.

Phát động tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống, tấn công các loại tội phạm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và kiềm chế, kéo giảm các loại tệ nạn xã hội.

Xã được Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự công nhận đạt tiêu chuẩn *"An toàn về ANTT", "Xã đạt chuẩn an toàn về ANTT xã hội và đảm bào bình yên".*

- Tình hình tổ chức triển khai và nội dung thực hiện:

**Về nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân:*

Ban Chỉ huy quân sự xã có nơi làm việc riêng và trang thiết bị thực hiện theo Điều 8, Thông tư số 33/2016/TT-BQP; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, Phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Ấp được bảo đảm đúng số lượng, xã có 03 ấp trong đó có 3/3 Ấp đội là đảng viên *(kèm hồ sơ minh chứng).* Hàng năm hoàn thành chỉ tiêu giao quân đạt chỉ tiêu trên giao.

**Về không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera*

an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả:

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn *(giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy)* gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, được Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự công nhận xã Tân Hội đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh trong bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 năm 2022 *(theo Quyết định số 1802/QĐ-UBND-HC)*.

- ***Khối lượng thực hiện:*** Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- *Kinh phí thực hiện:* 211 triệu đồng, từ ngân sách địa phương.

c) Đánh giá: Xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Xã không nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

6.1. Tiêu chí 1 về Quy hoạch

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý, thực hiện Quy hoạch chung và Quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã, đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Rà soát đề nghị điều chỉnh quy hoạch phù hợp với kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của xã và bổ sung thêm những ngành hàng chủ lực của địa phương.

6.2. Tiêu chí 2 về Giao thông

- Thường xuyên lập kế hoạch duy tu, sữa chữa lại các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã, xây dựng kế hoạch thực hiện các tuyến đường giao thông nội đồng ở các ấp để đảm bảo việc vận chuyển hàng hoá và nông sản của bà con nông dân được thuận lợi.

- Khi có kế hoạch tiến hành triển khai họp dân tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất, cây trồng, vật kiến trúc, đóng góp kinh phí để triển khai xây dựng theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm".

6.3. Tiêu chí 3 về Thủy lợi

Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân nạo vét các kênh thủy lợi bị bồi lắng và nâng cấp, gia cố các tuyến bờ bao xuống cấp để đảm bảo phục vụ tưới tiêu toàn bộ diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã như: Hợp tác xã NN và Tổ hợp tác.

6.4. Tiêu chí 4 về Điện

Đề nghị về trên đầu tư kinh phí xây dựng, nâng cấp các tuyến điện hạ thế đạt kỹ thuật đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong địa bàn xã như: nâng cấp các tuyến điện thiếu an toàn do người dân tự lấp, tự kéo … nhất là khu vực cù lao Vàm Xếp.

6.5. Tiêu chí 5 về Trường học

- Đề nghị cấp trên đầu tư kinh phí bố trí nâng cao trang thiết bị dạy và học ở các điểm trường.

- Tiếp tục củng cố, duy trì các điển trường đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ mức độ 2, Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, Đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2, Đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.

- Tuyên truyền vận động người dân trong độ tuổi lao động có khả năng lao động tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng.

- Phấn đấu tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm học được tiếp tục học trung học phổ thông *(phổ thông, bổ túc, học nghề)*, chiếm 100%.

6.6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

- Tiếp tục duy tu bảo dưỡng Trung tâm văn hoá học tập cộng đồng của xã và các Nhà văn hóa ấp trên địa bàn xã, đầu tư phát triển thêm các thiết bị luyện tập thể dục thể thao tại các điểm nhà văn hóa để thu hút thêm các hoạt động văn hóa thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe.

- Công chức Văn hoá - Xã hội phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các lớp dạy bơi cho trẻ em, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT để phát huy hiệu quả các công trình đã đầu tư và duy trì đạt tiêu chí.

6.7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra phòng cháy chữa cháy ở khu dân cư và điểm mua bán. Phối hợp với ban quản lý chợ sắp xếp lại các khu vực mua bán, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm.

- Đề nghị về trên có kế hoạch duy tu sữa chữa điểm mua bán thêm ngày một khanh trang, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân tại khu vực mua bán của xã.

6.8. Tiêu chí 8 về Thông tin và Truyền thông

- Tiếp tục đề nghị với ngành bưu điện triển khai thực hiện tốt hơn dịch vụ nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bưu điện xã.

- Duy trì ứng dụng trên 4 phần mền quản lý cụ thể: phần mền quản lý và điều hành văn bản iDesk, phần mềm ứng dụng chữ ký số-chứng thư số (CKS-CTS), hệ thống hộp thư điện tử Đồng Tháp, phần mềm một cửa.

- Trang bị đầy đủ máy vi tính cho cán bộ công chức nhằm đảm bảo phục vụ cho công tác đạt hiệu quả và để hướng dẫn người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

6.9. Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư

Phối hợp với Uỷ ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội xã, Ban nhân dân các ấp tổ chức tuyên truyền, vận động từ nhiều nguồn vốn đóng góp trong xã hội để hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho những hộ nghèo, hộ dân có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở và tập trung thực hiện tốt chế độ an sinh xã hội.

6.10. Tiêu chí 10 về Thu nhập

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển dịch vụ kinh doanh để tăng thu nhập cho người dân.

- Tăng cường công tác dạy nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, hưởng các chế độ chính sách hỗ trợ về an sinh xã hội. Tham gia các mô hình kinh tế của Hội đoàn thể.

- Vận động tuyên truyền người dân tham gia đi lao động có thời hạn ở nước ngoài nhằm góp phần tăng thu nhập cho người dân.

6.11. Tiêu chí 11 về Hộ nghèo

- Thực hiện đầy đủ chính sách an sinh xã hội cũng như huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào các hoạt động từ thiện.

- Tập trung quản lý tốt nguồn vốn vay giảm nghèo, giải quyết việc làm. Hướng dẫn người dân sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả nhằm cải thiện đời sống, góp phần thực hiện giảm nghèo theo Kế hoạch.

- Vận động các đối tượng đăng ký học nghề tham dự đầy đủ khoá học gắn với giới thiệu việc làm nhằm để khi kết thúc khoá học các học viên có được việc làm ổn định.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình giảm nghèo, cận nghèo, hạn chế tái nghèo, nâng dần mức sống của người dân, giáo dục ý thức thoát nghèo và tạo điều kiện để người dân vươn lên thoát nghèo gắn với hỗ trợ vốn, dạy nghề, tạo việc làm, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo chỉ tiêu trên giao hàng năm.

- Thực hiện lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề; Giảm nghèo bền vững; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

6.12. Tiêu chí 12 về Lao động có việc làm

- Phối hợp mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn, tạo việc làm, nâng cao chất lượng lao động; Hỗ trợ lao động tìm việc làm trong và ngoài Tỉnh, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng chủ trương, chính sách của Nhà nước về đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên trong độ tuổi lao động tham gia các sàn giao dịch việc làm do Trung tâm xúc tiến giới thiệu việc làm Tỉnh tổ chức, tạo điều kiện để người lao động có điều kiện tiếp cận với thị trường lao động và các doanh nghiệp, công ty sử dụng lao động.

- Rà soát nắm chặt số lao động có nhu cầu học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia lao động có thời hạn ở nước ngoài để định hướng, giúp đỡ, tạo điều kiện để lao dộng có việc làm, tăng thu nhập.

6.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất

- Tiếp tục củng cố, tạo điều kiện thuận lợi cho HTXNN, Tổ hợp tác sản xuất tiếp cận các chính sách hỗ trợ trong sản xuất. Phối hợp các ngành chuyên môn Thành phố mở nhiều lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, làm cầu nối cho nông dân liên kết với các nhà doanh nghiệp để thực hiện mô hình liên kết trong tiêu thụ sản phẩm như: liên kết giữa HTXNN với công ty doanh nghiệp luôn được ổn định.

- Duy trì các mô hình kinh tế mang lại hiệu quả cao, nhất là Hội quán lươn *(Sản phẩm OCOP khô lươn),* mô hình hoa kiểng, mô hình trồng nấm trong nhà kính...

6.14. Tiêu chí 14 về Y tế

- Tăng cường công tác tuyên truyền luật Bảo hiểm y tế đến từng hộ dân. Phối hợp với Uỷ ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội xã, Ban nhân dân các ấp tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế.

- Chỉ đạo ngành y tế phối hợp với các ngành có liên quan thường xuyên kiểm tra các cơ sở chế biến, mua bán thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhân dân. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và tiêm ngừa vacxin cho trẻ em, tuyên truyền nhân dân ăn chính, uống sôi, vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ xung quanh nhà, tạo môi trường trong sạch nhằm tránh dịch bệnh xảy ra.

6.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công

- Nâng cao chất lượng của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của xã. Đổi mới công tác chỉ đạo điều hành trong quản lý nhà nước, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân nắm và thực hiện, nâng dần tỷ lệ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; từng bước hiện đại hóa nền hành chính.

- Thực hiện tốt cơ chế *"Một cửa"*, cơ chế *"Một cửa liên thông"*. Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông theo Quyết định số 581/QĐ-UBND-HC của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Quy chế thư xin lỗi trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân. Thực hiện bố trí công chức có trình độ chuyên môn và tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân hướng dẫn tận tình, rõ ràng, dễ hiểu nhằm đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hồ sơ hành chính.

6.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật

- Duy trì thực hiện các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả trên địa bàn xã.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm giảm số vụ mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân, tăng tỷ lệ hào giaỉ thành đạt trên 95%.

- Hỗ trợ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100%.

6.17. Tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

- Tổ chức tuyên truyền về xử lý, thu gom rác sinh hoạt trên 90% và thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp, tham gia thực hiện thu gom rác, không đổ rác xuống sông, tự phân loại rác thải tại nhà.

- Vận động thực hiện tốt 3 sạch *"sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ"*. Vận động các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính về môi trường và thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải *(nước thải, khí thải và chất thải rắn)* và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường đạt 100%.

- Phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định, đạt trên 95%. Phấn đấu tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn 80%. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường đạt trên 85%. tỷ lệ hỏa đạt trên 10%.

6.18. Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống

Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân xử lý sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường, thu gom xử lý rác theo quy định. Nhằm nâng chất và giữ vững tiêu chí này góp phần phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

6.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

- Chủ động nắm sát tình hình ANTT ở địa phương để xác định được tuyến, địa bàn, đối tượng trọng điểm cần tập trung đấu tranh. Từ đó, xây dựng kế hoạch phối hợp, tập trung lực lượng thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả đối với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, kiên quyết không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng, rất nghiệm trọng và đặc biệt nghiêm trọng ở địa phương.

- Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nhằm củng cố, nâng cao chất lượng Phong trào; Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đặc điểm, tình hình từng địa bàn, lĩnh vực nhằm để cho mọi cán bộ và Nhân dân hiểu ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Tiêu chí số 19. Từ đó, nâng cao ý thức chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tự nguyện tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm góp phần giữ vững tình hình ANTT ở địa phương.

- Vận động Nhân dân tích cực tham gia các mô hình bảo đảm ANTT ở địa phương; Trọng tâm là phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã tích cực tuyên truyền, vận động tất cả hộ gia đình người dân cư trú trên địa bàn nắm, hiểu mục đích, ý nghĩa của mô hình *"Tổ Nhân dân tự quản"* để đồng tình, ủng hộ tham gia thực hiện. Qua đó, nâng cao ý thức của người dân trong việc tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải ở cơ sở. Xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức tập huấn định kỳ cho các thành viên *"Tổ Nhân dân tự quản"* là tổ trưởng, tổ phó và thư ký về công tác bảo đảm ANTT và xây dựng Phong trào.

- Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng nòng cốt bảo đảm ANTT và xây dựng Phong trào ở địa phương. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Bảo vệ ANTT, Dân phòng, các cá nhân tham gia bảo đảm ANTT và tham gia xây dựng Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Uỷ ban nhân dân thành phố Hồng Ngự đã thực hiện đánh giá đạt chuẩn NTM nâng cao đúng theo trình tự, thủ tục và lập hồ sơ đúng theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Giai đoạn 2019-2022, Ủy ban nhân dân xã Tân Hội đã đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn lồng ghép thuộc nhiều dự án có liên quan và vốn huy động từ cộng đồng dân cư, các công trình sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả thiết thực cho người dân trên địa bàn và không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

III. KIẾN NGHỊ

Uỷ ban nhân dân thành phố Hồng Ngự kính trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, thẩm định, công nhận xã Tân Hội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- CT, các PCT/UBND Thành phố;
- Thành viên Ban Chỉ đạo NTM Thành phố;
- Đảng ủy, UBND xã Tân Hội;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC/KT*(Tín)*.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mẫu số 22

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO XÃ TÂN HỘI, THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ

(kèm theo Báo cáo số: 3801/BC-UBND ngày 23/12 /2022 của UBND Thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
I. QUY HOẠCH							
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch		Đạt	Có	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch		Đạt	Có	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình kinh tế-xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên		Đạt	Có	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI							
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết *(biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định(nền rộng 6,5mét, mặt rộng 3,5*		100%	100%	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp	a) Được cứng hóa và bảo trì hàng năm nền 5m, rộng 3,5m	100%	100%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố	
		b) Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥ 70%	100%	Đạt	Đạt	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (*nền rộng 4,0m,mặt rộng 3,0m)*	≥ 90%	100%	Đạt	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (*nền rộng 4,0m,mặt rộng 3,0m)*	≥ 70%	100%	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 90%	95%	Đạt	Đạt	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Cây lúa ≥ 55%; Cây ăn trái ≥25%, hoa màu > 20%	Cây lúa > 87%; Cây ăn trái >58%, hoa màu > 57%	Đạt	Đạt	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp với tổ chức và cá nhân có chức năng quản lý, vận hành lưới điện và đước sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥ 99%	99,6%	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	≥100%	100%	Đạt	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Đạt	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Đạt	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥01mô hình	1	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	95%	100%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 75%	78%	Đạt	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người *(triệu đồng/ người)* Năm 2022	≥ 64	64,052	Đạt	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	2,5%	2,42%	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 75%	77,67%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
	có việc làm	12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 30%	34,36%	Đạt	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	≥ 70%	79,18	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 01 hợp tác xã	1	Đạt	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 01 sản phẩm OCOP 3 sao trở lên	1	Đạt	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình	1	Đạt	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥ 10%	50%	Đạt	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	≥ 01mã vùng	02 vùng	Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1 Mô hình	1	Đạt	Đạt
		13.9. Có ít nhất 10 (một) Mô hình hội quán hoạt động được xếp loại Tiêu biểu trong năm	Đạt	1	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	96,02%	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	91,37	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	72,68	Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥70%	90,53	Đạt	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	91%	Đạt	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	95,1%	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥95%	95,49%	Đạt	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥35%	36,99%	Đạt	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	77,93%	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	81,3%	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	88,4%	Đạt	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	10%	10%	Đạt	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (04m^2/người)	Đạt	65,2 m^2	Đạt	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥70%	81,3%	đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
		18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥55%	99,4%	Đạt	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít	62,4 lít	Đạt	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	100%	Đạt	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	không	Đạt	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	80,2%	Đạt	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Bãi chôn sử dụng bãi chôn xã Bình Thạnh	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của Thành phố
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt